

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN THOẠI SƠN  
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2022/HNGĐ-ST  
Ngày: 01/03/2022  
V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THOẠI SƠN, TỈNH AN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: bà Nguyễn Hoài Lâm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Đức

2. Bà Diệp Thị Thu Nguyệt

- Thư ký phiên tòa: bà Đặng Huỳnh Hoa Lý – Là Thư ký của Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thoại Sơn: bà Phan Thị Dáng Hương – Kiểm sát viên.

Trong ngày 01 tháng 3 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 291/2021/TLST-HNGĐ ngày 18/11/2021 về “Ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 18/01/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2022/QĐST-HNGĐ ngày 08/02/2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: bà Nguyễn Thanh T, sinh năm 1972.

- Bị đơn: ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1968

Cùng địa chỉ: số 100 ấp H, xã Đ, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

Nguyên đơn bà T có mặt. Bị đơn ông D vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Nguyên đơn bà Nguyễn Thanh T trình bày:

Bà với ông Nguyễn Văn D chung sống với nhau từ năm 1993, có tổ chức đám cưới nhưng không đăng ký kết hôn. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng đến năm 2007 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tình tình không hợp dẫn đến thường xuyên cãi nhau, ông D đã bỏ nhà đi không quay về. Bà và ông D cũng chính thức sống ly thân từ năm 2007 cho đến

nay. Hiện nay tình cảm không còn, không muốn hàn gắn lại nên bà T yêu cầu giải quyết như sau:

+ Về quan hệ hôn nhân: bà Nguyễn Thanh T xin được ly hôn với ông Nguyễn Văn D.

+ Về quan hệ con chung: không có.

+ Về tài sản chung và nợ chung: không có.

- Bị đơn ông Nguyễn Văn D: Tòa án đã tổng đạt và niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật cho ông D nhưng từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến nay ông D vắng mặt và không có văn bản nào thể hiện ý kiến đối với yêu cầu của bà T.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

+ Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong thời hạn chuẩn bị xét xử:

Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến thời điểm hiện tại, nhận thấy Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 như: Xác định đúng quan hệ tranh chấp, thụ lý và giải quyết theo quy định tại Điều 28 và Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Quá trình thụ lý Thẩm phán đã thực hiện đầy đủ khi tiến hành lập hồ sơ vụ án, thu thập chứng cứ, lấy lời khai của đương sự, tổng đạt và niêm yết hợp lệ các thông báo và quyết định, thời hạn chuẩn bị xét xử đúng theo quy định của pháp luật.

+ Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa:

Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về xét xử sơ thẩm vụ án.

+ Về chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

Bị đơn được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do đã tự từ bỏ quyền của mình.

+ Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 8, 9, 14, 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, tuyên:

Về hôn nhân: không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Tuyền và anh Nguyễn Văn D.

Về con chung: không có.

Về tài sản chung và nợ chung: không xem xét.

Chị Tuyền yêu cầu ly hôn nên phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn. Bị đơn Nguyễn Văn D có đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp H, xã Đ, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang, căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn.

[1.2] Bị đơn ông D đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông D.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Bà Nguyễn Thanh T và ông Nguyễn Văn D chung sống với nhau từ năm 1993, có tổ chức đám cưới nhưng đến nay vẫn chưa đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2007 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do tính tình không hợp dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau, ông D cũng đã bỏ nhà đi từ năm 2007 không quay về. Do ly thân đã lâu, không thể hàn gắn lại được nên bà T xin được ly hôn với ông D. Tại khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của luật này và pháp luật về hộ tịch. Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý”. Tại khoản 2 Điều 53 cũng quy định: “Trong trường hợp không có đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này”. Như vậy, mặc dù bà T và ông D đã chung sống với nhau một thời gian dài nhưng về mặt pháp luật không thừa nhận quan hệ giữa ông, bà là vợ chồng nên việc bà T yêu cầu ly hôn với ông D là không phù hợp mà cần tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Thanh T và ông Nguyễn Văn D.

[2.2] Về quan hệ con chung: không có.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: ghi nhận không có.

[3] Từ những phân tích trên, yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn là chưa phù hợp với quy định của pháp luật. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở.

[3] Về án phí: bà T là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào: khoản 1 điều 28, điều 35, điều 39, khoản 4 điều 147, điểm b khoản 2 điều 227 và khoản 3 điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 điều 9, điều 14, khoản 2 điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Thanh T và ông Nguyễn Văn D.

- Về quan hệ con chung: không có.

- Về tài sản chung và nợ chung: ghi nhận không có. Tuy nhiên sau khi bản án này có hiệu lực pháp luật nếu có nguyên đơn xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì bà Nguyễn Thanh T và ông Nguyễn Văn D phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

2. Về án phí: bà Nguyễn Thanh T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008706 ngày 18/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang nên đã nộp xong.

Bà Nguyễn Thanh T được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Nguyễn Văn D được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã (thị trấn) nơi cư trú để yêu cầu xem xét phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh An Giang;
- VKS huyện Thoại Sơn;
- Chi Cục THADS huyện Thoại Sơn;
- UBND xã Định Thành;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Hoài Lâm**